

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P6+CLO	7:25	19+1+2	0+0+0		14+3+5	0+0+0	chuyen 2 P6-Clo
2		RP3+RC4+RC5	7:25	19+0+3	0+0+0		16+2+2	0+0+0	
3		P4+PVD2+BK10	7:25	20+2+0	0+0+0		15+2+1	0+0+0	
4		BK14+GTC1+MRM	7:25	12+2+7	0+0+0		1+1+4	0+0+0	
5		P9+P11+TD5	9:25	14+4+4	0+0+0		6+2+0	0+0+0	
6		CTK3+BK6+P8+BK21	9:25	10+7+5+0	0+0+0+0		0+1+8+3	0+0+0+0	chuyen 1 CTK3-P8
7		^{BK6} RP3+PPD+P4	9:25	6+15+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	chuyen 2 Rp3-ppd, 1 Rp3-P4
8		P3+TD3+P10	11:25	13+8+1	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người PPD về đi RP3, 2 người RC4 về đi BK6,



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2022	TO: PPD - P6 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - Duong - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TAI	PPD	78	1	13	20	72	KHI	Vietnamese
2	BERNIKOVICH VIKTOR	PPD	600	1	5		115	KHI	Russian
3	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	13	1	4		65	KHI	Vietnamese
4	VŨ THANH BÌNH	PPD	04	1	4		83	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG MINH HIẾU	PPD	16	1	6		70	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUYÊN	PPD	09	1	5		71	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	05	1	3		74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TẠ	PPD	10	1	4		73	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HAI QUANG	PPD	02	1	4		75	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VIỆT ĐIẾP	PPD	11	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	PHUNG VĂN CHÍNH	PPD	77	1	5		79	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	07-08	2	13		83	KHI	Vietnamese
13	PHẠM THANH BÌNH	PPD	27	1	5		82	KHI	Vietnamese
14	VŨ DUY TOÀN	PPD	26	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	PPD	25	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TUẤN VIỆT	PPD	06	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU PHI	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN THĂNG	PPD	12	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	01	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI HÙNG	PPD	23	1	8		85	PSV	Vietnamese
21	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	29	1	4	10	85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO				54	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	20	119	1.473	20	14		CHUYEN 02 PAX TU P6 SANG CLO
2	P6	1	1	4	85	10	3	2	
3	CLO	1	0	0	74	54	5		
TOTAL		22	21	123	1.632	84	22		
WEIGHT KG				123	1.632	84			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2022	TO: RP3 - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIEN - MTHAO - DTung	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN HUNG	RP3	88	1	3		75	KHI	Vietnamese
2	HO VAN LUONG	RP3	97	1	3		70	KHI	Vietnamese
3	LAM TIEN PHI	RP3	96	1	10		85	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN SANG	RP3	92	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN SEN	RP3	95	1	5		68	KHI	Vietnamese
6	PHAM TRUNG DUNG	RP3	600	1	6		80	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	94	1	13		68	KHI	Vietnamese
8	ĐANG HUY KHANH	RP3	89	1	5		78	KHI	Vietnamese
9	LE XUAN VIET	RP3					80	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN LAP	RP3				50	60	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VIET KY	RP3	93	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGO NGOC HAN	RP3	90-91	2	9		63	KHI	Vietnamese
13	PHAM BINH NAM	RP3	98-99	2	12		64	KHI	Vietnamese
14	PHAM HONG LINH	RP3	86	1	4		75	KHI	Vietnamese
15	KHONG TIEN DUNG	RP3	87	1	5		77	KHI	Vietnamese
16	VÔ ĐÌNH HÀ	RP3	82-83	2	14		63	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN QUÂN	RP3	94	1	15		70	KHI	Vietnamese
18	LE ĐANG HONG PHUONG	RP3	81	1	10		72	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN MONG LONG	RP3	85	1	18		72	KHI	Vietnamese
20	KRAVTSOV ALEXANDR	RC5	97	1	12		77	DVL	Russian
21	ĐOÀN MINH HƯỚNG	RC5	98	1	8		65	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN MINH THAO	RC5	96	1	18		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

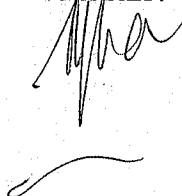
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	20	142	1.350	50	16		
2	RC4	0	0	0	0	0	2		
3	RC5	3	3	38	212	0	2		
TOTAL		22	23	180	1.562	50	20		
WEIGHT KG				180	1.562	50			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

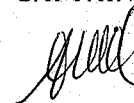
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P4 - PVD2 - BK10	CREW: Nam - Mạnh - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOLESNIK ALEXANDER	P4	32	1	10	50	105	KHI	Russian
2	NGUYỄN LÊ HUY	P4	25	1	5		68	KHI	Vietnamese
3	PHẠM TRẠI	P4	15	1	5		71	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	17	1	7		71	KHI	Vietnamese
5	TẠ XUÂN HIỆU	P4	20	1	6		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH CANG	P4	14	1	5		77	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	30	1	4		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NGOC	P4	31	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TÂM	P4	27-29	3	15		57	KHI	Vietnamese
10	PHẠM THỂ TRƯỞNG	P4	16	1	5		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	11	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	26	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	10	1	4		71	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ ĐÌNH TRƯỞNG	P4	22	1	17		60	KHI	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN HUÂN	P4	21	1	15		61	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ANH HOÀNG	P4	23-24	2	17		58	KHI	Vietnamese
17	LÊ TUÂN TU	P4	18-19	2	12		72	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	P4	12-13	2	17	15	66	PVGAS	Vietnamese
19	LÊ VIỆT QUỐC HUY	P4	02-03	2	15	30	65	PV GAS	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	PVD2	55-56	2	17		76	PVD-BAKI	Vietnamese
21	LƯU VĂN ĐIẾP	PVD2	54	1	11		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

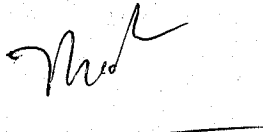
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	25	174	1.332	95	14		
2	PVD2	2	3	28	146	0	2		
3	BK10	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		21	28	202	1.478	115	17		
WEIGHT KG				202	1.478	115			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

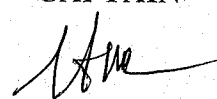
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: BK14 - GTC1 - MRM	CREW: ĐỨC - T.Hiếu - HTNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THAI	BK14	16	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGOC LONG	BK14	07-08	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG THANH	BK14	05	1	3	18	53	XAYLAP	Vietnamese
4	HA ANH CHIEN	BK14	15	1	8	20	73	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI ANH TUAN	BK14	19-20	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN DU	BK14	21-22	2	10		56	XAYLAP	Vietnamese
7	VU VAN DUAN	BK14	11-12	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÚC	BK14	13-14	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
9	HA ĐỨC TUNG	BK14	23-24	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ PHU TOA	BK14	17-18	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN DUY NGOC	BK14	09	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM TIEN SY	BK14	10	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN DUC THANG	BK14	04	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KHANG	GTC1	300	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HIỆP	GTC1	99	1	6		74	PSV	Vietnamese
16	KIEU TUAN ANH	MRM	16-17	2	12		93	DVL	Vietnamese
17	VUONG KIEN QUOC	MRM	19	1	10		78	DVL	Vietnamese
18	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	23	1	12		77	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THU	MRM	18	1	15		67	DVL	Vietnamese
20	LÊ HOAI THIEN	MRM	21	1	16		77	DVL	Vietnamese
21	HOANG ĐĂNG THIEN	MRM	20	1	10		74	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HUU VIET	MRM	22	1	15		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

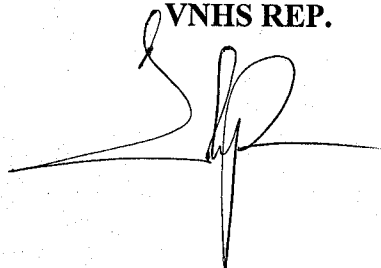
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	13	20	174	820	38	1		
2	GTC1	2	2	11	146	0	1		
3	MRM	7	8	90	526	0	4		
TOTAL		22	30	275	1.492	38	6		
WEIGHT KG				275	1.492	38			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2022	TO: P9 - P11 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Nam - Mạnh - THỤ	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAKHMATULLIN RINAT	P9	17	1	7		80	KHOAN	Russian
2	NGUYEN BA KY	P9					82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC MINH	P9	01	1	4		55	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CHIEU	P9	04	1	5		67	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEU	P9	15	1	3		45	PSV	Vietnamese
6	BUI VAN THUAN	P9	16	1	5		73	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN HAI TRUNG	P9	10	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	TRUONG CONG THIN	P9	11	1	7		75	SINHHUNG	Vietnamese
9	NGUYEN VAN XIN	P9	14	1	10	35	74	SINHHUNG	Vietnamese
10	VO HONG QUAN	P9	05	1	8		90	SINHHUNG	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CHUNG	P9	12-13	2	12		60	SINHHUNG	Vietnamese
12	BUI AN	P9	06	1	10		72	SINHHUNG	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG THANH	P9	02-03	2	11		67	SINHHUNG	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HOA	P9	07	1	7		70	SINHHUNG	Vietnamese
15	LE NGOC THANH	P11	02	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TUNG	P11	03-04	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TAI	P11	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG MAO	TD5	37	1	18		83	BAKER HU	Vietnamese
20	ĐẠO DUY KHANH	TD5	36	1	12		72	BAKER HU	Vietnamese
21	SHAHARIZAD SHAHADAN	TD5	40-41	2	16		90	BAKER HU	Malaysian
22	SEGARAN SUGOMARAN	TD5	38-39	2	20		74	BAKER HU	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	15	94	970	35	7		
2	P11	4	5	28	272	0	2		
3	TD5	4	6	66	319	0	2		
TOTAL		22	26	188	1.561	35	11		
WEIGHT KG				188	1.561	35			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - BK6 - P8 - BK21	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NHO HOÀNG	CTK3	12	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG AN	CTK3	28-30	3	17		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG AN	CTK3	31-32	2	15		55	SANBAY	Vietnamese
4	BUI THỌ SƠN	CTK3	16-17	2	13	30	67	BA SON	Vietnamese
5	PHẠM GIA KHANH	CTK3	23-24	2	15		61	BA SON	Vietnamese
6	ĐOÀN QUANG KHANH	CTK3	21-22	2	20		57	BA SON	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC BÌNH	CTK3	19-20	2	15		73	BA SON	Vietnamese
8	BUI NGỌC CÚ	CTK3	14-15	2	9		69	BA SON	Vietnamese
9	BUI VĂN THUY	CTK3	13	1	7		57	BA SON	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐĂNG	CTK3	18	1	7		55	BA SON	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG BAI	BK6	39	1	15	76	68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK6	44-45	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN DUY KHANH	BK6	41,43	2	14		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK6	40	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	42	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	DINH QUANG TRUNG	P8	93	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUC THANG	P8	92	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRONG HOA	P8	89	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH NAM	P8	86	1	14		75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN DUC THUAN	P8	87	1	8		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	18	125	662	30	0 + 1		CHUYEN 1 PAX CTK3-P8
2	BK6	5	7	59	349	76	1		
3	P8	5	5	46	374	20	8		
4	BK21	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	30	230	1.385	126	12		
WEIGHT KG				230	1.385	126			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: RP3 - BK6 - PPD - P4	CREW: Linh - Dương - Vũ	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THANH	RP3	63	1	12		59	KHI	Vietnamese
2	TRẦN HOÀNG KHANH	RP3	64	1	12		70	KHI	Vietnamese
3	THẠCH HOÀNG HẠN	RP3	65	1	18		70	KHI	Vietnamese
4	THẠCH HOÀNG NGHĨA	RP3	66	1	14		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOANG	RP3	70-71	2	20		72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÙNG	RP3	67	1	10	15	75	T-TIN	Vietnamese
7	VU DINH NAM	BK6	77-78	2	18	30	70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LAM	BK6	29,38	2	11		65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NAM	PPD	15	1	4	90	65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐỖ	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	75	1	4		57	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	20	1	11		62	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NAM	PPD	73	1	5		71	KHI	Vietnamese
14	NGTRƯỜNG NHẬT MINH	PPD	14	1	10		85	KHI	Vietnamese
15	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	76	1	5		81	KHI	Vietnamese
16	LÊ THANH TRUNG	PPD	22	1	6		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	74	1	6		70	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VƯƠNG HUNG	PPD	21	1	3		83	KHI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TOÀN	PPD	19	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUÂN	PPD	18	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TUÂN	PPD	16-17	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

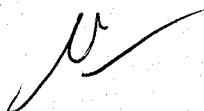
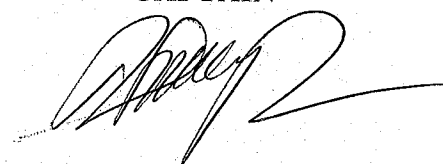
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	7	86	409	15	0	3	CHUYEN 2-PAX RP3-PPD
2	BK6	2	4	29	135	30	0		
3	PPD	13	13	96	887	90	21		CHUYEN 1-PAX RP3-P4
4	P4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	24	211	1.431	135	21		
WEIGHT KG				211	1.431	135			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2022	TO: P3 - TD3 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - Vũ	ETA: 13:30
HONG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN SƠN	P3	94-96	3	19		56	DUY LINH	Vietnamese
2	HUYNH THANH HỮU	P3	86	1	16		63	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN LONG	P3	78	1	16		59	DUY LINH	Vietnamese
4	VĂN NGỌC TÂM	P3	79-80	2	10		64	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HÀ	P3	90	1	15		62	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P3	91-93	3	19		67	DUY LINH	Vietnamese
7	LE HUU LỘC	P3	77	1	10		59	DUY LINH	Vietnamese
8	LE THANH	P3	87	1	5		59	DUY LINH	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LINH	P3	84-85	2	12		69	DUY LINH	Vietnamese
10	DANH CẢNH	P3	82	1	7		75	DUY LINH	Vietnamese
11	LE ĐÌNH HUNG	P3	83	1	10		48	DUY LINH	Vietnamese
12	PHAN VĂN THANH	P3	81	1	8		62	DUY LINH	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỤ	P3	88-89	2	11		55	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	TD3	01-02	2	12	40	84	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P10	10	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ BAO TRUNG	P10	17	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THANH	P10	12-13	2	15		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT LY	P10	11	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DU	P10	15	1	10		65	PSV	Vietnamese
20	PHẠM THẾ CÔNG	P10	16	1	4		59	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P10	02	1	7		80	PSV	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	14	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	20	158	798	0	0		
2	TD3	1	2	12	84	40	10		
3	P10	8	9	58	547	0	12		
TOTAL		22	31	228	1.429	40	22		
WEIGHT KG				228	1.429	40			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN